

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 740/2024/TLST-DS ngày 25/11/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Q(VIB); địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower - Số 111 Pasteur, phường N, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn T, bà Phạm P, bà Trần T, ông Phan A, ông Trần D. Ông T hoặc bà P hoặc bà T hoặc ông A hoặc ông D đều là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2025). Bà P có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Tổ 7, ấp G, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương và bà Nguyễn M, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Số 257C, ấp Q, xã S, thành phố A, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ M, đường nhánh PA014, tổ 7, ấp G, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Q (VIB) trình bày:

Ngân hàng Q(sau đây viết tắt là Ngân hàng VIB) với bà Nguyễn M và ông Nguyễn T ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2019.0298.HĐTD.681 ngày 07/5/2019 với một số nội dung chính như sau: Về số tiền cho vay 800.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trên nền đất cũ (bao gồm mua sắm trang thiết bị) thuộc thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã A, thị xã C (nay là xã A, thành phố C), tỉnh Bình Dương; thời hạn cho vay 180 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân 10,2% áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 12 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 12/6/2019, kỳ trả cuối vào ngày 07/5/2034, mỗi kỳ trả 4.445.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 12 hàng tháng; trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 07/5/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà M và ông T theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2019.0298.KUNN.681 với số tiền 800.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 9231239.22 ngày 08/3/2022 với một số nội dung chính như sau: Ngân hàng cho ông Tâm và bà Mai vay số tiền 1.100.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà không thay đổi kết cấu tại thửa số 209, tờ bản đồ số 14 toạ lạc tại khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay 180 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 10,10% áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 12 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 12/4/2022, kỳ trả cuối vào ngày 09/3/2037, mỗi kỳ trả 6.111.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 12 hàng tháng; trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 09/3/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Mai và ông Tâm theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9231239(1).22 với số tiền 1.100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên, bà Mai và ông Tâm đã thế chấp: Thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12, toạ lạc tại xã A, thành phố C , tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 689187, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07372 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2018 cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn M . Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 3463, quyền số 05TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần M công chứng ngày 07/5/2019. Việc thế chấp và đăng ký thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tạm tính đến ngày 17/3/2025, bà M và ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền 716.964.912 đồng (trong đó tiền gốc 277.802.000 đồng và tiền lãi là 439.162.912 đồng), hiện bà M và ông T còn nợ lại Ngân hàng số tiền 2.277.526.026 đồng.

Do đó, nay Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 2.309.813.957 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.622.198.000 đồng; nợ lãi trong hạn 254.086.452 đồng; nợ lãi quá hạn 433.529.505 đồng).

Kể từ ngày 17/4/2025, cho đến khi ông T và bà M thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông T và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

- Trường hợp ông Tâm và bà Mai không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Q, Ngân hàng Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 689187, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07372 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2018 cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn M và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 3463, quyền số 05TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần M công chứng ngày 07/5/2019. Việc thế chấp và đăng ký thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Tâm và bà Mai đối với Ngân hàng VIB. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Mai và ông Tâm vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng VIB theo quy định.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông T và bà M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2019.0298.HĐTD.681 ngày 07/5/2019 với một số nội dung chính như sau: Về số tiền cho vay 800.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 9231239.22 ngày 08/3/2022 với một số nội dung chính như sau: Ngân hàng VIB cho ông T và bà M vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đồng ý. Trường hợp ông T không có khả năng thanh toán ông Tâm đồng ý phát mãi tài sản thế chấp đối với thửa số 1343, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã Phú An, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

Đối với bị đơn bà Nguyễn M : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn, bà Mai cung cấp Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tuy nhiên không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Qđối với bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn M về tiền gốc, tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn M vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ: Nguyên đơn đồng ý sử dụng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập theo Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 31/3/2025. Tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng; bị đơn không tham gia phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán khoản vay:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2019.0298.HĐTD.681 ngày 07/5/2019 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 07/5/2019, giữa nguyên đơn và ông T, bà M có ký kết hợp đồng tín dụng với nhau, theo đó bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng; mục đích vay xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trên nền đất cũ (bao gồm mua sắm trang thiết bị) thuộc thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12 toạ lạc

tại xã A, thị xã C (nay là xã A, thành phố C), tỉnh Bình Dương; thời hạn cho vay 180 tháng và Hợp đồng tín dụng số 9231239.22 ngày 08/3/2022, được ký kết giữa nguyên đơn với ông T, bà M, theo đó, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.100.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà không thay đổi kết cấu tại thửa số 209, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay 180 tháng.

Xét thấy, việc ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên là do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tâm và bà Mai đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Tâm và bà Mai thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng với số tiền tính đến ngày 16/4/2025 với số tiền là 2.309.813.957 đồng là có căn cứ chấp nhận, cụ thể đối với từng hợp đồng tín dụng như sau:

Cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng 2019.0298.HĐTD.681 ngày 07/5/2019 với tổng số tiền 846.470.564 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 595.530.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 162.758.150 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 159.612.262 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 9231239.22 ngày 08/3/2022 với tổng số tiền 1.463.343.393 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 1.026.668.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 91.328.302 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 273.917.243 đồng.

Kể từ ngày 17/4/2025, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án xong.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận định:

Để đảm bảo khoản vay được ký kết, giữa Ngân hàng Q và bị đơn có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng, chứng thực theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 3463, quyển số 05TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần M công chứng ngày 07/5/2019 đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã A, thị xã C (nay là xã A, thành phố C), tỉnh Bình Dương. Xét thấy, nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 293, Điều 294, Điều 295 và Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Điều 5 của Hợp đồng thế chấp ngày 07/5/2019 quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên và Điều 9 của Hợp đồng thế chấp ngày 07/5/2019 đối với các trường hợp xử lý tài sản thế chấp. Do ông Tâm và bà Mai đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Q nên Ngân hàng Q được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy, căn cứ Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Q về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Q không phải chịu án phí.

Bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng. Do Ngân hàng Q đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng nên Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải trả lại cho Ngân hàng Q số tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 323, Điều 325 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q đối với bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn M về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải trả cho Ngân hàng Q số tiền 2.309.813.957 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.622.198.000 đồng; nợ lãi trong hạn 254.086.452 đồng; nợ lãi quá hạn 433.529.505 đồng).

Kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận tại Hợp đồng 2019.0298.HĐTD.681 ngày 07/5/2019 và Hợp đồng tín dụng số 9231239.22 ngày 08/3/2022.

Trường hợp ông T và bà M không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Q, thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thửa đất số thửa đất số 1343, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã A, thị xã C (nay là xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 689187, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07372 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2018 cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn M.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn T và bà Nguyễn M để thanh toán khoản nợ mà ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, phần còn dư sẽ được trả lại cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn M.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn T và bà Nguyễn M vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì ông Nguyễn T và bà Nguyễn M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Q cho đến khi trả hết nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M phải chịu 78.196.279 đồng (bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Q số tiền 44.657.798 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số 0002603 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Hồ Thị Hoa**